TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 493/2019/KDTM-PT
Ngày 29/5/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phong
Bà Hà Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ - Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/KDTMPT ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán hàng hóa*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2018/KDTM-ST ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1851/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Đ
Địa chỉ: 35 T, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ Chi nhánh: 718 K, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Văn T là Đội trưởng Đội Dịch vụ khách hàng Công ty Đ B (các Giấy ủy quyền số 5265/UQ-EVNHCMC ngày 17/12/2018, số 2801/UQ-PCBP ngày 17/12/2018) (có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Văn K của Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư T (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu V
Địa chỉ: 60 H, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phùng Minh Q là Kế toán của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu V (Giấy ủy quyền ngày 18/4/2019) (có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Trần Cẩm C của Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư T (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1987

Địa chỉ: 23 Đường số M, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

2/ Ông Trương Phú B, sinh năm 1980

Địa chỉ: 102 T, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 13/4/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Tổng Công ty Đ (gọi tắt là Tổng Công ty Đ) có đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Văn T trình bày là Tổng Công ty Đ – Chi nhánh Tổng Công ty Đ – Công ty Đ B bán cho Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu V (gọi tắt là Công ty V) điện cho mục đích sản xuất tại số 60 H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 17/001891 ngày 22/6/2017.

Ngày 28/9/2017, Công ty V thông báo sự cố điện, Công ty Đ phát hiện sự cố phóng TU (một phần tử trong hệ thống đo đếm điện năng) tại trạm điện của Công ty V. Để duy trì việc cung cấp điện liên tục cho Công ty V sử dụng, Tổng Công ty Đ đã có biện pháp xử lý tạm là cô lập 01 TU không qua hệ thống đo đếm. Trong suốt quá trình hệ thống đo đếm hư (đo đếm thiếu) Công ty V không bị mất điện. Đến ngày 30/11/2017, Tổng Công ty Đ đã phối hợp thay thế TU bị hư, đồng thời thông báo sẽ tính toán truy thu do hệ thống đo đếm bị hư hỏng. Việc chậm thay TU do Tổng Công ty Đ gặp phải một số trở ngại khách quan.

Ngày 01/12/2017, Tổng Công ty Đ đã phát hành Thư báo số 121701/PCBP-DVKH để xin lỗi Công ty V về sự chậm trễ trong việc thay hệ thống đo đếm, đồng thời thông báo việc tính truy thu dựa vào kết quả đo đếm thực tế mà Công ty V sử dụng qua 02 cầu đo để tính điện năng của 01 cầu đo đếm thiếu với sản lượng truy thu là 145.055 kWh trong thời gian 63 ngày do mất tín hiệu của 01 pha.

Trong thời gian này, Công ty V đã gửi đơn khiếu nại việc truy thu tiền điện không hợp lý đến Tổng Công ty Đ. Qua đó Công ty điện lực cũng đã có buổi làm việc với Công ty V và giải thích có 02 cách tính truy thu, cách thứ nhất như trên đã trình bày, cách thứ hai sẽ được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và Công ty V đã thống nhất cách tính thứ hai, cụ thể: Sản lượng điện truy thu tính lại là 181.559 kWh (trong đó giờ bình thường: 111.991 kWh, cao điểm: 37.363 kWh, thấp điểm: 32.204 kWh, VC: 0 KVArh) với tổng số tiền là 334.232.526 đồng. Sản lượng truy thu trên được phát hành một hóa đơn truy thu là 181.559 kWh để Công ty V thanh toán nhưng Công ty V không thanh toán. Nay, Tổng Công ty Điện lực yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền điện đã sử dụng là 334.232.526 đồng.

Theo các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, bị đơn là Công ty V có đại diện theo ủy quyền là bà Bùi Thị Thanh H trình bày là Công ty V xác nhận có ký hợp đồng như

Tổng Công ty Đ trình bày. Tranh chấp xảy ra xuất phát từ sự cố mất điện, Công ty V có nhận Thông báo truy thu đo điện kế hư ngày 30/11/2017 nhưng không nhận được biên bản kiểm tra treo tháo thiết bị đo đếm ngày 29/9/2017, cụ thể là tại thời điểm nêu trên Công ty V bị mất điện, sau đó có nhờ Tổng Công ty Đ đến sửa chữa. Khi sửa chữa xong, Tổng Công ty Đ không thông báo về sự cố và phải thay thiết bị điện, Công ty V vẫn sử dụng điện bình thường như hàng ngày. Với yêu cầu của Tổng Công ty Điện lực, Công ty V không đồng ý thanh toán số tiền 334.232.526 đồng do hàng tháng Công ty V vẫn đóng tiền điện bình thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện về cách tính truy thu tiền điện lại cho chính xác, cụ thể là yêu cầu Công ty V phải thanh toán số tiền điện 310.087.522 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày các căn cứ pháp lý để truy thu tiền điện năng còn thiếu của Công ty V là dựa vào cách tính số tiền điện truy thu theo Khoản 3 Điều 20 Nghị định 137/2013/NĐ-CP của Chính phủ, "3. Trường hợp bên mua điện sử dụng điện trong thời gian hệ thống thiết bị đo đếm điện bị hư hỏng làm cho công tơ điện ngừng hoạt động, tiền điện phải thanh toán được tính theo điện năng bình quân ngày của 03 chu kỳ ghi chỉ số công tơ điện liền kề trước đó nhân với số ngày thực tế sử dụng điện. Số ngày thực tế sử dụng điện được tính từ thời điểm công tơ ngừng hoạt động được lưu lại trong bộ nhớ của công tơ điện hoặc từ ngày ghi chỉ số công tơ điện gần nhất trong trường hợp công tơ điện không lưu lại được thời điểm ngừng hoạt động đến ngày hệ thống thiết bị đo đếm điện được phục hồi hoạt động" và do trong trường hợp này cơ sở để nguyên đơn yêu cầu truy thu tiền điện từ Công ty V là do thiết bị đo đếm không chính xác. Tuy nhiên, Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn lại không có quy định về cách tính tiền điện truy thu hoặc hoàn trả trong thời gian thiết bị đo đếm hoạt động không chính xác. Do đó, qua tham khảo ý kiến của Sở Công thương, nguyên đơn có cơ sở để đề nghị Tòa án xác định về việc nguyên đơn được áp dụng Khoản 3 Điều 20 Nghị định 137/2013/NĐ-CP để xác định số tiền điện phải truy thu từ Công ty V, bởi:

- Thiết bị đo đếm điện tại trạm biến áp có mã PE06000269035- Công ty V theo Hợp đồng số Hợp đồng số 17/001891 vẫn hoạt động chính xác; và không thuộc trường hợp có sự hỏng hóc dẫn đến việc đo đếm không chính xác như quy định tại Khoản 2 Điều 20 Nghị định 137/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

- Mặc dù vẫn phát sinh chỉ số điện năng tại thiết bị đo đếm điện tại trạm biến áp có mã PE06000269035-Công ty V theo Hợp đồng số 17/001891. Do đấu nối tắt TU nên vẫn có cơ sở để xác định một cách rõ ràng là đây có thể được xem như thiết bị đo đếm bị ngừng hoạt động trong khoảng thời gian đấu nối tắt TU mà vốn dĩ cách tính điện năng truy thu hoặc hoàn trả chỉ áp dụng khi thiết bị đo đếm không chính xác.

Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty V phải thanh toán 310.087.522 đồng.

Bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền như Tổng Công ty Đ yêu cầu. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày là không đồng ý thanh toán số tiền như Tổng Công ty Đ yêu cầu vì khi báo điện hỏng thì Tổng

Công ty Đ không có báo cáo nào về việc công tơ điện ngừng hoạt động, thông báo là thu tạm thời trong khi đó hàng tháng bị đơn vẫn đóng tiền đầy đủ. Tổng Công ty Đ không xác định được lý do hư hỏng điện. Theo quy định khi thiết bị điện bị hư thì trong 01 ngày phải thay thế nhưng Tổng Công ty Đ để đến 63 ngày sau mới thay là do lỗi công ty. Về việc này được thể hiện qua văn bản nhận lỗi gửi cho bị đơn nên Tổng Công ty Đ phải tự chịu trách nhiệm. Không đồng ý với cách tính tiền điện của 25 ngày không hoạt động vì bị ngập lụt. Cách tính điện của nguyên đơn là không đúng theo quy định của Khoản 3 Điều 20 Nghị định 137/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Cách tính điện theo điều này chỉ áp dụng trong trường hợp công tơ điện ngưng hoạt động thì mới tính bình quân, trong trường hợp này công tơ điện của công ty vẫn còn hoạt động nhưng Tổng Công ty Đ tính ra số tiền nêu trên là không có căn cứ pháp lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2018/KDTM-ST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân quận X đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty V có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty Đ số tiền 310.087.522 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Tổng Công ty Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty V không thanh toán thì phải chịu lãi suất của số tiền chậm trả do các bên thoả thuận trong hợp đồng nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, Tòa án Cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định.

Công ty V có Đơn kháng cáo đề ngày 04/01/2019 về việc công ty kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm do nội dung của bản án không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Công ty V và đề nghị y án sơ thẩm do nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người cung cấp điện, trong khi đó Công ty V đã vi phạm điều khoản thanh toán, đến nay vẫn chưa thanh toán nợ tiền điện là 310.087.522 đồng.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo do Tổng Công ty Đ có lỗi là không thay thế thiết bị bị hư hỏng đúng thời hạn của ngành điện quy định gây ra thiệt hại (truy thu tiền điện quá lớn) nên Tổng Công ty phải tự chịu. Hàng tháng, bị đơn vẫn đóng đầy đủ tiền điện theo hóa đơn, các hóa đơn này không ghi tiền tạm thu và bị đơn cũng không biết việc sử dụng điện trong 63 ngày chỉ là sử dụng tạm. Về cách tính tiền điện để truy thu thì không đúng với quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định 137/2013/NĐ-CP của Chính phủ mà Tổng Công ty Đ viện dẫn vì trường hợp này công tơ điện của bị đơn còn hoạt động không bị hư hỏng. Nghị định trên cũng không quy định cách tính tiền điện truy thu trong trường hợp công tơ điện hoạt động không chính xác nên Tổng Công ty Đ vận dụng tính điện truy thu là không đúng pháp luật. Do đó, bị đơn yêu cầu Tòa án

Cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty Đ.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Trong 63 ngày nêu trên có nhiều ngày tại khu vực sản xuất của bị đơn bị nước ngập phải ngưng sản xuất có xác nhận của chính quyền địa phương mà Tổng Công ty Đ áp dụng cách tính truy thu tiền điện nêu trên là không đúng pháp luật. Việc có truy thu hay không cần phải xác định lỗi, Tổng Công ty Đ có văn bản nhận lỗi nhưng bị đơn phải bị truy thu tiền điện là bất hợp lý.

- Ý kiến của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Công ty V và luật sư của Công ty V cho rằng khoản tiền thiệt hại nêu trên cần phải căn cứ vào quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để xác định đối tượng phải chịu trách nhiệm mà trong trường hợp này nguyên đơn có lỗi nên phải chịu trách nhiệm đối với khoản thiệt hại phát sinh là hoàn toàn không có cơ sở do theo cuộc họp ngày 24/01/2018, hai bên thống nhất sản lượng điện sẽ được truy thu. Mặt khác, Công ty V có sử dụng điện là phải trả tiền, sử dụng điện bao nhiêu thì phải trả bấy nhiêu. Khoản tiền điện truy thu nêu trên là khoản tiền mà nguyên đơn chưa thu đủ từ Công ty V do sự cố khách quan. Khoản tiền điện truy thu này, Công ty V có nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán điện đã ký kết giữa hai bên và theo quy định của Luật Điện lực. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án Cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận X.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án thì nguyên đơn đã khắc phục sự cố về điện, còn việc thay thế TU có kéo dài là do khách quan nên nguyên đơn truy thu tiền điện mà bị đơn có sử dụng điện để sản xuất là đúng quy định của hợp đồng mua bán điện được hai bên ký kết. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về nội dung kháng cáo với yêu cầu như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

Bị đơn và luật sư của bị đơn cho rằng Hàng tháng, bị đơn vẫn đóng đầy đủ tiền điện theo hóa đơn, các hóa đơn này không ghi tiền tạm thu và bị đơn cũng không biết việc sử dụng điện trong 63 ngày chỉ là sử dụng tạm. Về cách tính tiền điện để truy thu thì không đúng với quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định 137/2013/NĐ-CP của Chính phủ mà nguyên đơn viện dẫn vì trường hợp này công tơ điện của bị đơn còn hoạt động không bị hư hỏng. Nghị định trên cũng

không quy định cách tính tiền điện truy thu trong trường hợp công tơ điện hoạt động không chính xác nên nguyên đơn vận dụng tính điện truy thu là không đúng pháp luật thì vấn đề này không có cơ sở để chấp nhận do sau khi có sự cố nguyên đơn đã khắc phục một trong 3 pha, bị đơn vẫn sử dụng điện để sản xuất. Việc bị đơn không chịu trách nhiệm khoản tiền truy thu cho đủ thì cũng không có cơ sở chứng cứ trực tiếp để chấp nhận do bị đơn có sử dụng điện thì phải trả đầy đủ tiền điện. Nguyên đơn có thiếu sót là không báo cho bị đơn biết điện sẽ truy thu nhưng khi đã sử dụng điện thì phải thanh toán, nếu thanh toán chưa đủ thì phải chịu truy thu mà không liên quan đến việc có lỗi hay không. Với cách tính tiền điện để truy thu của nguyên đơn là phù hợp với Khoản 3 Điều 20 Nghị định 137 của Chính phủ.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của đại diện viện kiểm sát do ý kiến này phù hợp với quy định của pháp luật.

Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Như bản án sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 286, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 50 của Luật Thương mại 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật Điện lực năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu V có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty Đ số tiền 310.087.522 *(ba trăm mười triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi hai)* đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Tổng Công ty Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu V không thanh toán nợ thì hàng tháng Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho Tổng Công ty Đ theo

mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/- Án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm:

+ Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu V phải chịu là 15.504.376 *(mười lăm triệu năm trăm lẻ bốn nghìn ba trăm bảy mươi sáu)* đồng.

+ Hoàn trả cho Tổng Công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.355.813 đồng theo Biên lai thu số 0029082 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm:

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu V phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 *(hai triệu)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo các Biên lai thu số 0030904 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận X;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS quận X;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Dũng